

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/DS-PT

Ngày 08-10-2018

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh ThA

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Huy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc “Đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh là Luật sư của Văn phòng Luật sư Ph Nguyễn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn C, sinh năm 1967; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn C: Bà Trần Thị S, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn T: Bà Võ Thị L, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Xuân H, sinh năm 1992; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VP, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Trương Thị H1, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn VP, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1956; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

4. Bà Trần Thị Ng1, sinh năm 1969; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VP, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

5. Bà Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1990; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VP, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

6. Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1988; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VP, xã VT, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Trần Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

Năm 2015 bà là tổ trưởng tổ vay vốn Hội nông dân và Hội phụ nữ xã VT bà luôn tạo mọi điều kiện để giúp đỡ hội viên vay vốn bên ngoài để đáo hạn cho ngân hàng không để trường hợp quá hạn xảy ra. Tổ của bà có 29 tổ viên, trong đó có bà Võ Thị L.

Từ năm 2015 đến năm 2017 Ph thức của bà cho tổ viên vay là để trả cho Ngân hàng khi đến hạn vay và nhận lại tiền cho vay (gốc và lãi) ngay sau khi được Ngân hàng giải ngân, địa điểm nhận lại tiền tại Ngân hàng. Việc vay này chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập văn bản.

Năm 2016 bà L vay ngân hàng số tiền 80.000.000đ, trước khi đến hạn con gái bà L gởi tiền trả bớt 49.000.000đ. Ngày 19/6/2017, bà có báo cho bà Võ Thị L là thành viên vay vốn trong tổ đến ngày trả nợ và làm hồ sơ vay lại, bà L nhờ bà vay 31.000.000đ trả nợ Ngân hàng, bà trực tiếp mang tiền đến ngân hàng trả nợ cho bà L.

Năm 2017, bà L chỉ được giải ngân 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) hồ sơ bà L đề nghị vay là 60.000.000đ (S mươi triệu đồng).

Ngày 29/6/2017 là ngày tổ viên tổ của bà giải ngân, vào lúc 11 giờ tại chi

nhánh ngân hàng Agribank TP, bà ngồi ngoài hàng ghế chờ như mọi lần để thu hồi số tiền gốc và lãi đã cho các tổ viên vay, tất cả mọi người khi vay xong đều đã trả tiền cho bà, chỉ có chị Ph ngại đồng người nên hẹn bà về nhà sẽ trả tiền sau.

Riêng bà L có nói với bà là có bọc theo 5.000.000đ, sau khi được giải ngân thì bà L chỉ trả cho bà là: 800.000đ bao gồm: tiền lãi, 100.000đ tiền phí + tin nhắn và 325.000đ tiền bảo hiểm vay tại Ngân hàng, còn số tiền gốc là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng) bà L chưa thanh toán.

Đến 15 giờ chiều cùng ngày bà có vào nhà bà L thì bà L nói là đã trả tiền cho bà rồi, bà hỏi bà L trả tiền cho bà lúc nào, có ai thấy và làm chứng, giấy trả nợ của bà đâu, lúc đó bà L kéo bà vào nhà và mở tủ két ra lấy bịch đựng giấy vay vốn và cọc tiền theo bà L là 20.000.000đ cho bà xem, bà nói đó là chuyện của bà L, bà không thể nào lục nhà bà L được.

Bà yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị L và ông Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền bà Võ Thị L vay để trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng), bà không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà là tổ viên tổ vay vốn xã VT do bà Trần Thị S làm tổ trưởng từ năm 2015 đến 2017. Cũng như những lần trước khi đáo hạn vay thì bà S thông báo cho bà và các tổ viên khác, bà và những tổ viên không có tiền thì nhờ bà S vay dùm tiền để trả ngân hàng, sau khi được giải ngân thì bà và các tổ viên đó trả tiền gốc và lãi cho bà S ngay tại Ngân hàng, bà chỉ biết như vậy chứ không biết bà S làm tổ trưởng có được phân công hay không.

Năm 2016, bà vay ngân hàng số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) đến năm 2017 thì trả nợ, trước khi đến hạn trả nợ thì con bà ở thành phố có gửi tiền về cho bà 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) và bà cầm tiền này trả ngân hàng, khi đáo hạn thì còn nợ ngân hàng số tiền 31.000.000đ, bà nhờ bà S vay và trả giúp bà.

Ngày 29/6/2017, bà được giải ngân số tiền 50.000.000đ khi hồ sơ bà đề nghị vay là 60.000.000đ. Khi đi bà mang theo 5.000.000đ, sau khi được giải ngân thì bà có trả cho bà S là: 800.000đ bao gồm: tiền lãi, 100.000đ tiền phí + tin nhắn và 325.000đ tiền bảo hiểm khi vay tại ngân hàng và số tiền gốc là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng). Nên số tiền còn lại của bà là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Đến 15 giờ chiều cùng ngày bà S có gọi điện thoại và vào nhà bà nói là bà chưa trả tiền gốc là 31.000.000đ thì bà mở két sắt và lấy cái bịch chứa giấy vay vốn và cọc tiền là 20.000.000đ cho bà S coi. Nhưng bà S cứ khẳng định bà chưa trả 31.000.000đ tiền gốc cho bà S.

Nay bà S yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho bà S số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng) thì vợ chồng bà không đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị

S.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C trình bày:

Ông và bà Trần Thị S xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT. Số tiền 31.000.000đ bà S yêu cầu vợ chồng ông Tài và bà L phải trả là tài sản chung của vợ chồng ông, vì công việc gia đình không thể đến Tòa thường xuyên theo giấy triệu tập nên ông ủy quyền cho bà S giải quyết mọi vấn đề tại Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông và bà Võ Thị L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, ông cũng không có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình ông vì mất hết giấy tờ tùy thân. Nên khi bà L vay vốn tại ngân hàng người thừa kế trong sổ vay là con ông. Sự việc vay tiền giữa bà S và bà L thì ông có biết, ông xác định đây là vấn đề chung của vợ chồng, ông không đồng ý yêu cầu của bà S và ủy quyền cho bà L thay mặt ông đến Tòa án giải quyết mọi vấn đề tại Tòa án.

Những người làm chứng đều có cùng ý kiến:

Các bà đều là tổ viên tổ vay vốn do bà Trần Thị S làm tổ trưởng trong đó có bà Võ Thị L, khi đến hạn trả nợ thì các bà nhờ bà S vay dùm tiền để trả ngân hàng, sau khi được giải ngân thì bà S nhận lại tiền gốc và lãi tại ngân hàng, việc vay không có giấy tờ, việc bà S làm tổ trưởng các bà không biết có được phân công hay không.

Ngày 29/6/2017, bà L được giải ngân số tiền 50.000.000đ, hồ sơ đề nghị vay là 60.000.000đ, sau đó thấy bà L lấy tiền trả cho bà S có dư tiền lẻ thì bà L cho bà S uống nước luôn, sau đó bà L đi về không thấy bà S nói gì, sự việc trả tiền gốc và lãi giữa bà S và bà L thì các nhân chứng không rõ.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện TP đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 13/2018/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S về việc “Đòi lại tài sản” đối với vợ chồng bị đơn bà Võ Thị L và ông Nguyễn Tấn T với số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị S phải nộp 1.550.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bà S đã nộp 775.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0014164 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, bà S phải nộp thêm 775.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định của Luật thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn bà Trần Thị S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện TP, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

- Luật sư Nguyễn Thị Tuyết Thanh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Những căn cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà L đã trả tiền cho bà S là chưa thỏa đáng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S.

- Bị đơn bà Võ Thị L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị S, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; Kháng cáo của bà Trần Thị S là không có căn cứ nên không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị S khởi kiện bị đơn bà Võ Thị L để đòi lại tài sản là số tiền 31.000.000đ mà bà S đã cho bà L vay để trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP, hai bên không tranh chấp hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện TP thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Nguyên đơn bà Trần Thị S khai bà là tổ trưởng tổ vay vốn Hội nông dân và Hội phụ nữ xã VT, trong đó có bà Võ Thị L. Bà đã nhiều lần cho tổ viên vay để đáo nợ ngân hàng, không để trường hợp quá hạn xảy ra. Ngày 19/6/2017, bà

L nhờ bà vay 31.000.000đ để trả nợ Ngân hàng, bà đã trực tiếp mang tiền đến ngân hàng trả nợ cho bà L. Tuy nhiên, khi được ngân hàng giải ngân vào ngày 29/6/2017 thì bà Võ Thị L không trả cho bà số tiền 31.000.000 đồng.

Trong khi đó, bà Võ Thị L khai nhận vào ngày 29/6/2017 sau khi được ngân hàng Agribank chi nhánh TP giải ngân, bà đã trả đầy đủ số tiền gốc 31.000.000 đồng và tiền lãi cho bà Trần Thị S ngay tại ngân hàng, bà L không thừa nhận sự việc như bà S đã khai.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, chứng cứ mà các bên cung cấp thì khẳng định có sự việc bà Trần Thị S làm tổ trưởng tổ vay vốn của xã VT từ năm 2015 – 2017, mặc dù việc làm tổ trưởng này không có quyết định phân công. Theo thỏa thuận miệng của tổ trưởng và các tổ viên thì khi các tổ viên đến hạn trả nợ vay ngân hàng thì nhờ tổ trưởng là bà Trần Thị S vay tiền dùm để trả cho ngân hàng, sau khi được ngân hàng giải ngân thì bà Trần Thị S sẽ lấy lại tiền gốc và lãi ngay tại ngân hàng.

Trường hợp của bà Võ Thị L cũng tương tự, ngày 19/6/2017 khi đến hạn trả nợ ngân hàng 31 triệu đồng, bà Võ Thị L nhờ bà Trần Thị S vay tiền dùm 31 triệu đồng để trả nợ cho ngân hàng.

Đến ngày 29/6/2017, bà Võ Thị L và một số các tổ viên được chi nhánh ngân hàng Agribank TP cho giải ngân, bà L được ngân hàng cho vay số tiền 50 triệu đồng, bà L đã đến ngân hàng cùng bà Trần Thị S và một số các tổ viên. Bà L khai tại đây bà L đã trả đủ tiền gốc 31 triệu đồng cùng tiền lãi, tiền bảo hiểm và các chi phí khác cho bà S.

Bà Trần Thị S cung cấp chứng cứ cũng như các nhân chứng cho rằng bà Võ Thị L chỉ trả cho bà tiền lãi, tiền bảo hiểm và các chi phí khác, còn tiền gốc 31 triệu đồng thì bà L chưa trả. Xét thấy, các nhân chứng bà S xuất trình khai họ chỉ thấy bà L trả tiền cho bà S chứ không rõ có trả hay không trả số tiền gốc 31 triệu đồng. Mặt khác, bà L đã được ngân hàng cho vay 50 triệu đồng, bà Trần Thị S đã đến ngân hàng cùng bà L để lấy lại tiền đã cho bà L vay trước đó, không lý do gì bà S lại chỉ lấy tiền lãi, tiền bảo hiểm và các chi phí khác, còn tiền cho vay 31 triệu đồng thì lại không lấy và bà cũng không có ý kiến gì với bà L tại đây rằng số tiền bà L vay bà 31 triệu đồng đến khi nào thì trả, trả tại đâu, để bà L cầm 50 triệu đồng mà ngân hàng cho vay đi về. Trong khi đó, bà L thì vẫn khẳng định đã trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho bà S ngay tại ngân hàng.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ, tài liệu, đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S là hoàn toàn phù hợp.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị S không có cơ sở để chấp nhận mà nghĩ nên bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị S phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện TP;

Căn cứ vào:

Khoản 2, Điều 26; điểm b, khoản 1, Điều 38; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S về việc “Đòi lại tài sản” đối với vợ chồng bị đơn bà Võ Thị L và ông Nguyễn Tấn T với số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Trần Thị S phải nộp 1.550.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bà S đã nộp 775.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0014164 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, bà S phải nộp thêm 775.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà S đã nộp tại biên lai thu tiền số 0019300 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP. Bà Trần Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/10/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện TP;
- THADS huyện TP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Ánh Tuyết